TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 6- 5- 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Tố Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Bắc
2. Bà Đỗ Thị Kim Chinh

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Mây - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày 6 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2019/TLST-HNGĐ ngày 7 tháng 03 năm 2019 về việc *" Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn",*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987; Địa chỉ cũ: Thôn Yên Thượng, xã VT, huyện QB, tỉnh Hà Giang; Địa chỉ hiện nay: Số nhà 23, tổ 3, khu 7, phường QH, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Anh Hoàng Đức Đ (Tên gọi khác: T), sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu Giếng Mụi, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 7- 03- 2019, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N khai:

Chị và anh Hoàng Đức Đ có thời gian tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm, sau đó đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 31- 05 - 2012. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 4 đến 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, mỗi lần rượu chè về là anh Đ lại chửi bới, đánh đập chị. Chị

và bạn bè đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Đ không thay đổi. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 07 năm 2018 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên chị khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Chị và anh Đ có 01 con chung là Hoàng Nguyễn AT, sinh ngày 17-9-2016, hiện nay con chung đang sinh sống cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị Toà án giao cháu Thư cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị và anh Đ không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 15-03-2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Hoàng Đức Đ khai:

Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 31 tháng 05 năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, chỉ thỉnh thoảng phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng có khó khăn về kinh tế, ngoài ra chị N có mối quan hệ ngoài luồng, không đứng đắn khi anh đi làm vắng nhà dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Anh và chị N đã sống ly thân từ cuối tháng 10-2018 đến nay không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay chị N khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết nhưng không đồng ý ly hôn vì anh muốn con anh có cha và mẹ. Anh và chị N có 01 con chung là Hoàng Nguyễn AT, sinh ngày 17-9-2016, hiện nay con chung đang sinh sống cùng chị N và có sức khoẻ tốt. Nếu ly hôn, anh đề nghị Toà án giao cháu Thư cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh và chi N không có tài sản chung và nợ chung nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về quan hệ vợ chồng (Chị N xác định tình cảm vợ chồng đã hết và cương quyết xin ly hôn. Anh Đ cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn vì anh muốn con anh có cả bố và mẹ); thống nhất được với nhau về việc nuôi con chung khi ly hôn và thống nhất được với nhau về việc giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N xác định mâu thuẫn vợ chồng ngoài những lý do chị đã khai tại Toà còn do vợ chồng chị bất đồng về quan điểm quản lý kinh tế, anh Đ nợ nần nhiều, không đưa tiền cho chị nuôi con, xác định mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Đ, đề nghị Toà án giao cháu Thư cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên vì cháu Thư có hoàn cảnh đặc biệt được vợ chồng chị nhận làm con nuôi, chị bị bệnh không có khả năng sinh con nên có mỗi cháu là niềm vui,

chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Bị đơn anh Hoàng Đức Đ xác định mâu thuẫn vợ chồng ngoài những lý do anh đã khai tại Toà còn có một phần do còn nợ tiền của một số người, anh sống phụ thuộc về kinh tế của chị N và gia đình chị N dẫn đến việc chị N và gia đình chị N không tôn trọng anh, vợ chồng bất đồng về quan điểm quản lý kinh tế, ban đầu anh khai tình cảm vợ chồng đã hết nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh muốn con anh có cả bố và mẹ, nhưng sau đó anh lại khai tình cảm vợ chồng vẫn còn và không muốn ly hôn với chị N. Nếu ly hôn, anh đề nghị Toà án giao cháu Thư cho anh trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên vì hiện nay chị N không có việc làm và thu nhập, nhà đã bán không có nơi ở để nuôi con. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại anh đang thuê nhà ở nhưng sắp tới anh sẽ mua nhà, anh đang là công nhân mỏ than QH, P với mức thu nhập bình quân từ 10- 15.000.000 đồng/tháng đủ để nuôi con. Anh không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về cơ bản, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Hoàng Đức Đ. Giao cháu Hoàng Nguyễn AT cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung do đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

〔1〕 Về tố tụng:

- Về thẩm quyền xét xử của Tòa án: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Đức Đ, hiện đang cư trú tại khu Giếng Mụi, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

〔2〕 Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Đức Đ tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 31 tháng 05 năm 2012. Nên hôn nhân giữa chị N và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị N và anh Đ sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng một phần là do anh Đ kiếm được tiền thì anh Đ tiêu, chị N kiếm được tiền thì chị N tiêu dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm về quản lý kinh tế, hơn nữa anh Đ còn nợ nần tiền bạc của nhiều người nhưng chưa trả được, vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, ngoài ra do anh Đ chưa thực sự tin tưởng vào tình cảm của chị N, nghi ngờ lòng chung thuỷ của chị N dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau mà thường xuyên cãi vã, đánh nhau, vợ chồng cũng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 10 năm 2018 đến nay, nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ về nhân thân là tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Đến nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Anh Đ cũng thừa nhận những mâu thuẫn nội tại trong quan hệ vợ chồng giữa anh và chị N như đã nêu trên, thừa nhận việc anh nghi ngờ chị N có quan hệ nam nữ không đứng đắn là không có căn cứ, thừa nhận việc anh và chị N đã sống ly thân từ tháng 10-2018 cho đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau, thừa nhận tình cảm vợ chồng đã hết nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị N vì anh muốn con của anh có cả bố và mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững. Mặc dù chị N và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, nhưng quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh Đ không mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hôn nhân hạnh phúc, bền vững mà không đồng ý ly hôn với chị N chỉ với lý do anh muốn con anh có cả bố và mẹ chỉ là giải pháp để níu kéo chị N. Nếu giữa chị N và anh Đ không còn tình cảm vợ chồng, thì việc hai người buộc phải sống chung vì con chỉ tạo thêm áp lực cho nhau, không thể duy trì một gia đình hạnh phúc, bền vững.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- **Về con chung**:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Đức Đ đều có lời khai thống nhất, xác định vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Nguyễn AT, sinh ngày 17-9-2016, hiện nay con chung đang sinh sống cùng chị N và có sức khoẻ tốt.

Tại phiên toà, chị N đề nghị Toà án xem xét cháu Thư có hoàn cảnh đặc biệt, bố mẹ sinh ra cháu không có điều kiện nuôi cháu, bản thân chị N không có khả năng sinh con nên vợ chồng chị mới nhận cháu về làm con nuôi, đề nghị

Toà án giao cháu Thư cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quan điểm, trước đây tại phiên hoà giải anh đồng ý giao cháu Thư cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên nếu anh và chị N ly hôn vì chị N có việc làm và có nơi ở ổn định, nhưng nay chị N không có việc làm, nhà đã bán không có chỗ ở, nếu ly hôn chị N sẽ mang con đi xa không cho anh thăm gặp nên nếu ly hôn, anh đề nghị Toà án giao cháu Thư cho anh trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại anh đang đi thuê nhà ở nhưng sắp tới sẽ mua nhà, anh cũng đang công tác tại mỏ than QH, P với mức thu nhập bình quân từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/1 tháng đủ nuôi con, nhưng anh Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Xét thấy, sau khi chị N và anh Đ sống ly thân từ tháng 10-2018 cho đến nay, cháu Hoàng Nguyễn AT vẫn sống cùng với chị N, hiện tại sức khoẻ của cháu Thư tốt. Tài liệu, chứng cứ do chị N cung cấp cho Toà án thể hiện chị N đang công tác tại Công ty cổ phần nước khoáng Quảng Ninh với mức lương rao động từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/1 tháng, không có tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc chị N đã nghỉ việc như lời khai của anh Đ. Việc chị N bán nhà đi thuê chỗ khác ở không ảnh hưởng đến việc chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thư. Con chung Hoàng Nguyễn AT sinh ngày 17-9-2016 đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Ngoài ra, anh Đ cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc chị N không đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, giao con chung là Hoàng Nguyễn AT cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do chị N tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Toà án không xem xét, giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị N và anh Đ đều không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Toà án không xem xét, giải quyết về tài sản chung và công nợ chung là phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

〔3〕 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ đi số

tiền 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị N đã nộp ngày 07-03-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

〔**4**〕 **Về quyền kháng cáo:** Chị N và anh Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N về việc xin ly hôn với anh Hoàng Đức Đ và về việc yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Hoàng Đức Đ.

- Về con chung: Giao con chung là Hoàng Nguyễn AT, sinh ngày 17-9-2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

Anh Hoàng Đức Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hoàng Đức Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Toà án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0003265 ngày 7 - 03- 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Đức Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- *Các đương sự;*
- *VKSND thị xã Q;*
- *Chi Cục THADS TX Q;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga